

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG AN**

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ  
THƯƠNG MẠI - BỘ  
CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2007/TTLT-BTC-  
BTM-BCA

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2007

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**  
**hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa**  
**nhập khẩu lưu thông trên thị trường**

*Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Hải quan; Luật Thương mại;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2004/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2004 của Chính*

*phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.*

*Nhằm khuyến khích và thúc đẩy mở rộng lưu thông hàng hóa theo pháp luật; góp phần đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, liên Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Công an hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường như sau:*

## **I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hàng hóa hoặc kinh doanh hàng hóa nhập khẩu (gọi chung là cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu) là đối tượng phải thực hiện chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên



thị trường theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Thông tư này.

Hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường bao gồm: hàng hóa nhập khẩu đang trên đường vận chuyển, đang bày bán, để tại kho, bến, bãi, tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc tại địa điểm khác (gọi chung là hàng hóa nhập khẩu).

2. Các trường hợp không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này

- Hàng hóa nhập khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan theo quy định của Luật Hải quan, trừ trường hợp là hàng nhập lậu.

- Hàng hóa nhập khẩu là tài sản của tổ chức, cơ quan hành chính sự nghiệp; đồ dùng của cá nhân.

3. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là các loại giấy tờ phải có theo quy định của pháp luật để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp đối với hàng hóa nhập khẩu được quy định cụ thể tại Mục II Thông tư này.

4. Cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu có trách nhiệm quản lý, sử dụng, lưu giữ các hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu phải xuất trình hóa đơn, chứng từ khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hóa đơn, chứng từ của hàng hóa nhập khẩu.

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp dưới đây cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu hoặc người vận chuyển hàng hóa phải xuất trình đầy đủ hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của lô hàng ngay tại thời điểm kiểm tra, nếu không xuất trình được bị xử lý vi phạm theo quy định tại Mục III Thông tư này:

- Hàng hóa nhập khẩu đang được vận chuyển bằng các phương tiện giao thông, để tại kho, bến, bãi hoặc tại địa điểm khác chưa đăng ký tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở với cơ quan thuế;

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng nhập khẩu có điều kiện; các mặt hàng phải dán tem hàng nhập khẩu theo quy định.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu đang bày bán, để tại kho, bến, bãi của cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trường hợp không quy định tại điểm a khoản 5 Mục I nêu trên thì cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu phải xuất trình đầy đủ hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của lô hàng trong thời hạn tối đa không quá 24 giờ, kể từ thời điểm kiểm tra. Quá thời hạn nêu trên, cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu không xuất trình đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc hóa đơn, chứng từ không hợp pháp sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Mục III Thông tư này.



## II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Quy định về hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa do tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu vận chuyển vào nội địa

1.1. Hàng hóa do tổ chức, cá nhân (không phân biệt là tổ chức, cá nhân kinh doanh hay không kinh doanh) trực tiếp nhập khẩu khi vận chuyển vào nội địa phải có các hóa đơn, chứng từ theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Các chứng từ vận chuyển theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu, hàng hóa chuyển cảng đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

b) Bản chính tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan;

c) Văn bản cho phép của cơ quan hải quan và bản sao tờ khai hải quan do cơ quan hải quan cấp đối với hàng hóa chưa hoàn thành thủ tục hải quan (hàng hóa được đưa về bảo quản, hoặc chuyển địa điểm làm thủ tục hải quan);

d) Lệnh điều động của cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu kèm theo

tờ khai hải quan (bản chính hoặc bản photocopy có xác nhận sao y bản chính của cơ sở kinh doanh hàng nhập khẩu), lệnh điều động phải ghi rõ chủng loại, số lượng hàng hóa vận chuyển của tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu số..., ngày..., tháng..., năm..., nơi vận chuyển đi và nơi đến, phương tiện vận tải, biển số phương tiện vận tải đối với hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nếu phải chia lô hàng hóa nhập khẩu để chuyên chở làm nhiều lần từ nơi làm thủ tục hải quan vào nội địa.

1.2. Người cư trú trong khu vực biên giới mang hàng hóa qua lại biên giới để trao đổi, mua bán theo mức quy định thì không phải khai hải quan. Nếu vượt mức quy định thì phải khai hải quan và thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu, khi vận chuyển hàng hóa vào nội địa phải có bản chính tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan và chứng từ nộp thuế.

1.3. Tờ khai hải quan được cơ quan hải quan xác nhận đối với hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, quà tặng. Tờ khai này chỉ có giá trị cho người nhận quà biếu, quà tặng hoặc người được ủy quyền làm thủ tục hải quan vận chuyển từ cửa khẩu vào nội địa.

1.4. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan xác nhận và chứng từ nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là



hành lý của người nhập cảnh vào Việt Nam vượt quá tiêu chuẩn được miễn thuế. Tờ khai này và chứng từ nộp thuế chỉ có giá trị cho người nhập cảnh vận chuyển hàng hóa nhập khẩu từ cửa khẩu vào nội địa.

1.5. Đối với hàng hóa nhập khẩu là mặt hàng nhà nước quy định phải dán tem thì ngoài các chứng từ áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể nêu tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3, điểm 1.4 khoản 1 Mục II nêu trên, các hàng hóa này phải có tem dán vào hàng hóa theo đúng quy định.

1.6. Đối với hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, ngoài các hóa đơn, chứng từ quy định đối với hàng nhập khẩu nêu trên còn phải kèm theo các giấy tờ theo quy định của cơ quan chuyên ngành. Trường hợp các giấy tờ theo quy định của cơ quan chuyên ngành đã nộp cho cơ quan Hải quan bản gốc thì phải có bản photocopy có xác nhận sao y bản chính của cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu kèm theo hàng hóa.

2. Quy định về hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trong thị trường nội địa.

a) Hàng hóa nhập khẩu mua của tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hoặc của cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu trong nội địa phải có hóa đơn, chứng từ của cơ sở bán hàng theo hướng dẫn tại Mục IV, Phần B Thông tư số 120/2003/

TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa nhập khẩu quy định phải dán tem thì ngoài các hóa đơn, chứng từ quy định đối với hàng hóa nhập khẩu nêu trên, hàng hóa nhập khẩu này còn phải có tem dán vào hàng hóa theo đúng quy định.

Trường hợp cơ sở kinh doanh điều chuyển hàng hóa nhập khẩu cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng, cửa hiệu,... ở ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở kinh doanh đóng trụ sở để bán hoặc điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau; xuất trả hàng từ đơn vị phụ thuộc về cơ sở kinh doanh phải có một trong hai loại hóa đơn, chứng từ sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ.

b) Hàng hóa nhập khẩu mua của cơ quan có chức năng bán hàng tịch thu phải có hóa đơn bán hàng tịch thu ghi rõ số lượng, chủng loại, giá trị từng loại hàng hóa hoặc kèm theo bảng kê chi tiết hàng hóa có đóng dấu của cơ quan có chức năng bán hàng tịch thu;



c) Hàng hóa nhập khẩu mua của cơ quan dự trữ quốc gia phải có hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan dự trữ quốc gia;

d) Hàng hóa nhập khẩu mua gom của người không kinh doanh phải lập bảng kê theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

### III. XỬ LÝ VI PHẠM

Tổ chức, cá nhân kinh doanh mua, bán, vận chuyển hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường vi phạm các quy định về hóa đơn, chứng từ tại Mục II Thông tư này nếu chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Các loại hàng hóa nhập khẩu vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì bị xử phạt theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại:

- Hàng hóa cấm kinh doanh; hàng hóa cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu;

- Hàng hóa do tổ chức, cá nhân kinh

doanh trực tiếp nhập khẩu vi phạm quy định về hóa đơn, chứng từ tại khoản 1 Mục II Thông tư này;

- Hàng hóa nhập khẩu quy định phải dán tem nhưng không có tem dán vào hàng hóa theo đúng quy định hoặc có tem nhưng là tem giả, tem đã qua sử dụng;

- Hàng hóa nhập khẩu có điều kiện nêu tại điểm 1.6 khoản 1 Mục II Thông tư này nếu không có giấy tờ của cơ quan chuyên ngành cấp kèm theo hàng hóa;

- Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng phải xuất trình hóa đơn, chứng từ ngay tại thời điểm kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 5 Mục I Thông tư này nếu không xuất trình được đầy đủ hóa đơn, chứng từ ngay tại thời điểm kiểm tra.

2. Hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường không có hoặc có nhưng không đủ hóa đơn, chứng từ hoặc có hóa đơn, chứng từ nhưng qua điều tra, xác minh của cơ quan chức năng xác định là hóa đơn, chứng từ không hợp pháp (hóa đơn giả, hóa đơn lập không, hóa đơn mua, bán bất hợp pháp, hóa đơn đã qua sử dụng) là hàng hóa nhập lậu, các trường hợp vi phạm này sẽ bị xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

3. Hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường không có hoặc có nhưng không đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định tại khoản 2 Mục II Thông tư này và không



thuộc các trường hợp phải xử lý tịch thu hàng hóa thì bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đồng thời bị xử lý truy thu thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của các Luật thuế.

Giá tính thuế làm căn cứ truy thu thuế được xác định dựa trên giá thị trường của hàng hóa cùng loại tại thời điểm kiểm tra.

4. Hàng hóa nhập khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát của Hải quan nếu cơ quan chức năng phát hiện là nhập lậu thì phải lập biên bản, xác định rõ hành vi vi phạm và chuyển cho cơ quan Hải quan xử lý theo quy định của Luật Hải quan. Đối với trường hợp phát hiện hàng nhập lậu xảy ra ngoài địa bàn hoạt động của hải quan thì cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

#### IV. THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường thực hiện theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành

chính và các Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, lĩnh vực thuế hoặc lĩnh vực hải quan.

Cơ quan kiểm tra hàng hóa có trách nhiệm xử lý vi phạm theo pháp luật có liên quan. Trường hợp vượt thẩm quyền hoặc không thuộc thẩm quyền của mình phải chuyển hồ sơ lên cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Khi chuyển hồ sơ phải thực hiện đúng thủ tục và chuyển đầy đủ tang vật, phương tiện bị tạm giữ hoặc tịch thu (nếu có); đồng thời, thông báo cho tổ chức, cá nhân vi phạm biết. Cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý sau khi ra quyết định xử lý vụ vi phạm đó phải thông báo kết quả xử lý cho đối tượng vi phạm và cơ quan chuyển hồ sơ biết.

##### 2. Thời hạn xử lý vi phạm

2.1. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp vụ vi phạm không thuộc thẩm quyền của cơ quan kiểm tra, thì chậm nhất không quá ba ngày làm việc phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

2.2. Đối với các trường hợp vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.



3. Hàng hóa nhập khẩu bị tạm giữ hoặc tịch thu đang trong thời gian chờ xử lý, phải được quản lý và bảo quản theo quy định của pháp luật. Hàng hóa nhập khẩu bị tịch thu phải được tổ chức bán đấu giá hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan chức năng khi thu tiền phạt phải sử dụng chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Tiền phạt và tiền bán hàng tịch thu phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.

## V. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính về quyết định xử lý vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức có quyền tố cáo hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử lý. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại hoặc vụ án hành chính thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại tố cáo và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại tố cáo hoặc chờ quyết định của Tòa án, cơ sở kinh doanh vẫn phải thực hiện theo đúng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan công an, cơ quan hải quan và các đơn vị có thẩm quyền khi kiểm tra, xử lý vi phạm đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và Thông tư này.

2. Khi kiểm tra hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường, cơ quan, đơn vị kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra, ghi rõ nội dung kiểm tra, các sai phạm phát hiện qua kiểm tra (nếu có); đối với hàng hóa vận chuyển trên đường, khi kiểm tra phải xác nhận vào hóa đơn, chứng từ về ngày, giờ, địa điểm kiểm tra, ký và ghi rõ họ tên, chức vụ người kiểm tra.

3. Các cơ quan nhà nước, đoàn thể, các cơ sở kinh doanh và công dân có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng và các lực lượng kiểm tra trong việc kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh hàng hóa nhập khẩu.

4. Các lực lượng kiểm tra phải tuân thủ các quy định về công tác kiểm tra, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Thông tư liên tịch số 94/2003/TTLT-



BTC-BTM-BCA ngày 08/10/2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Thương mại - Bộ Công an hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường, Thông tư liên tịch số 10/1998/TTLT-BTM-BTC-BCA-TCHQ ngày 22/7/1998 của liên Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc kiểm tra, kiểm soát và xử lý mặt hàng vải và gạch men ốp lát các loại nhập khẩu lưu thông trên thị trường, thay thế Thông tư số 22/1999/TT-BTM ngày 28/6/1999 của Bộ Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm về việc kiểm tra, kiểm soát và xử lý mặt

hàng vải các loại nhập khẩu lưu thông trên thị trường, thay thế Quyết định số 106/2003/QĐ-BTM ngày 27/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc kiểm tra, kiểm soát đối với mặt hàng gốm sứ các loại sản xuất từ nước ngoài lưu thông trên thị trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Công an để xem xét hướng dẫn sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ THƯƠNG MẠI  
THỨ TRƯỞNG

Phan Thế Ruệ

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ TÀI CHÍNH  
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ CÔNG AN  
THỨ TRƯỞNG

Lê Thế Tiệm